

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định)

(Kèm Quyết định số: 580/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND phường)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	255.765	TỔNG SỐ CHI	255.765
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	9.255	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	539	II. Chi thường xuyên	250.750
III. Thu bổ sung	245.971	III. Dự phòng	5.015
- Bổ sung cân đối	235.968		
- Bổ sung có mục tiêu	10.003		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định)
(Kèm Quyết định số: 580/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND phường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	263.116	255.765
I	Các khoản thu 100%	9.255	9.255
	Phí, lệ phí	490	490
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	4.060	4.060
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.430	4.430
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	250	250
	Thu khác	25	25
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	7.890	539
1	Các khoản thu phân chia	5.390	539
	Thuế giá trị gia tăng	5.390	539
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.500	0
	Thuế thu nhập cá nhân	2.500	0
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	245.971	245.971
	- Thu bổ sung cân đối	235.968	235.968
	- Thu bổ sung có mục tiêu	10.003	10.003

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định)
(Kèm Quyết định số: 580/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND phường)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI (SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM 10%)	255.765	0	255.765
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	149.747		149.747
2	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Chi an ninh, quốc phòng	6.432		6.432
3	Chi y tế, dân số và gia đình	5.289		5.289
4	Chi văn hóa thông tin	5.151		5.151
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	849		849
6	Chi thể dục thể thao	365		365
7	Chi bảo vệ môi trường	2.252		2.252
8	Chi các hoạt động kinh tế	8.999		8.999
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	50.141		50.141
10	Chi bảo đảm xã hội	20.364		20.364
11	Chi khác	1.160		1.160
12	Dự phòng ngân sách	5.015		5.015